

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 09 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: ... 23/11/16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng An Giang tại Tờ trình số 116/TTr-SXD ngày 31 tháng 10 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2016 và thay thế Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *10*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UB.MTTQ tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng CM;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, TTXVN (Phân xã AG);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thanh
Vương Bình Thạnh

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh An Giang).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành tỉnh: Sở Xây dựng, Công thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã);

3. Các Phòng thuộc UBND cấp huyện: Quản lý đô thị, Kinh tế - Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện), Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho Bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Kho Bạc Nhà nước cấp huyện).

4. Người quyết định đầu tư, các chủ đầu tư, chủ sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài và các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện liên tục từ khi chuẩn bị đầu tư cho đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đảm bảo nguyên tắc thống nhất, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và thực tế của địa phương.

3. Phân loại, phân cấp công trình xây dựng: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 46/2015/BĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP); Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10

tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mục 1

TRÁCH NHIỆM VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, không phân biệt nguồn vốn đầu tư.

Điều 5. Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình đường tỉnh lộ qua đô thị, các công trình UBND tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện quản lý theo Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, đột xuất, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

đ) Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Quyết định phân cấp thẩm định phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý theo phân cấp tại Khoản 1 Điều này;

g) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

h) Thực hiện công tác giám định chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu;

i) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố công trình trên địa bàn tỉnh đối với công trình quy định tại Khoản 1 Điều này;

k) Hướng dẫn việc đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và đăng tải trên trang thông tin điện tử do mình quản lý theo quy định;

l) Báo cáo UBND tỉnh đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hàng năm về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (*theo mẫu Phụ lục II đính kèm Quy định này*);

m) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh đột xuất, định kỳ vào ngày 15 tháng 12 hàng năm (*theo mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này*); báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình giao thông trong đô thị do Sở Xây dựng quản lý quy định tại Điều 3 Quy định này và các công trình UBND tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện quản lý theo Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ các công trình UBND tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện quản lý theo Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

3. Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý quy định tại Điều 3 Quy định này và các công trình UBND tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện quản lý theo Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

4. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Chủ trì kiểm tra thường xuyên, đột xuất, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

c) Thực hiện quy định tại Điểm b, g Khoản 2 Điều 5 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình;

d) Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Quyết định phân cấp thẩm định phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp tại Khoản 1, 2, 3 Điều này;

e) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu;

g) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố công trình trên địa bàn tỉnh đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này;

h) Tổng hợp, báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hàng năm cho UBND tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh (theo mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này).

Điều 7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình được đầu tư từ các nguồn vốn khác trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thực hiện một số công việc sau:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quản lý;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia ý kiến về các nội dung được yêu cầu trong quá trình thẩm định thiết kế công trình trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu (công trình do Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý) đối với công trình trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý khi được yêu cầu;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, đối với công trình được phân cấp quản lý tại Khoản 1 Điều này;

e) Hướng dẫn chủ đầu tư báo cáo sự cố công trình cho UBND các cấp, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi nhận được thông tin sự cố và chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết sự cố;

g) Kiểm tra việc thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng của các chủ sở hữu, người được ủy quyền quản lý sử dụng đối với công trình trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý;

h) Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hằng năm cho UBND tỉnh và Sở Xây dựng việc tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh do mình quản lý (*theo mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này*).

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc dự án do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư và công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn do mình quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm giúp UBND cấp huyện thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do mình quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác. Thực hiện nội dung quản lý công tác bảo trì công trình xây dựng tại Khoản 3 Điều 17 Quy định này;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

đ) Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình do mình quản lý, cấp phép theo quy định tại Quyết định phân cấp thẩm định phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, đối với công trình xây dựng do mình quản lý theo phân cấp tại Khoản 1 Điều này;

g) Chủ trì giải quyết sự cố công trình cấp III theo phân cấp tại Khoản 2 Điều 14 Quy định này; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND cấp tỉnh, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về tình hình sự cố công trình trên địa bàn do mình quản lý;

h) Tổng hợp, báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hằng năm cho UBND tỉnh, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc

tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện (theo mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này).

Điều 9. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng đến tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và quần chúng nhân dân trên địa bàn xã.

2. Phối hợp với phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện trong việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; phát hiện và thông tin kịp thời đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các hiện tượng vi phạm chất lượng công trình xây dựng.

3. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra quá trình thi công theo giấy phép xây dựng, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các công trình xây dựng.

4. Theo dõi tình hình xây dựng công trình và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, có nguy cơ xảy ra sự cố phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tổ chức di chuyển người và tài sản, đồng thời báo cáo với UBND cấp huyện để giải quyết.

5. Chỉ đạo, hỗ trợ, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

Mục 2

PHÂN CẤP KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 10. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

1. Công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này thuộc loại công trình chuyên ngành do mình quản lý quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Công trình được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trừ công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

b) Công trình cấp II có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (bao gồm các công trình được đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý) và mọi cấp đối với các loại công trình cấp treo vận chuyển người, đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác, công trình đê điều;

c) Công trình cấp II có ảnh hưởng lớn đến môi trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được đầu tư tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp, trừ các công trình quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 2 Điều này và các công trình do mình được giao làm chủ đầu tư.

4. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Công trình cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư trừ công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP do mình quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp trừ công trình cấp treo vận chuyển người, đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác, công trình đê điều;

c) Công trình cấp III trở xuống thuộc loại công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường ngoài các công trình nêu tại Điểm a, b Khoản này, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

6. Nội dung và trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 11. Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

1. Công tác thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình được chủ đầu tư quy định trong hợp đồng hoặc chỉ dẫn kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế đối với các công trình sau:

a) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

c) Công trình xây dựng có quy mô cấp II ngoài các công trình quy định tại Điểm a, b Khoản này.

2. Chi phí cho công tác thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình được tạm tính bằng 01% G_{xd} (giá trị dự toán xây dựng sau thuế) trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

3. Chủ đầu tư tổ chức công tác thí nghiệm đối chứng trong quá trình thi công xây dựng công trình đối với các công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Căn cứ vào hợp đồng thi công xây dựng, các chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ thiết kế được duyệt, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng cho công trình, chủ đầu tư tổ chức lập đề cương, dự toán gói thầu thí nghiệm đối chứng với tần suất phù hợp, chủ đầu tư thực hiện thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán gói thầu để triển khai thực hiện theo quy định. Trường hợp chủ đầu tư không tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này, công tác này được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Tổng hợp, báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng kết quả thí nghiệm đối chứng trong quá trình thi công xây dựng công trình;

c) Trường hợp dự toán gói thầu cho công tác thí nghiệm đối chứng theo quy định tại Khoản 2 Điều này vượt 1% G_{xd} (giá trị dự toán xây dựng sau thuế), chủ đầu tư trình cấp quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4. Trong quá trình kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, trường hợp xét thấy nội dung, kết quả thực hiện thí nghiệm đối chứng của chủ đầu tư chưa phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng hoặc hiện trạng thi công thực tế các công trình, hạng mục công trình có biểu hiện không đảm bảo chất lượng, cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu thực hiện bổ sung công tác thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 12. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng theo quy định tại Khoản 5 Điều 32 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, cụ thể gồm:

a) Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính (gồm chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí ở và chi phí khác phục vụ cho công tác kiểm tra);

b) Chi phí thuê chuyên gia của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm chi phí đi lại, chi phí ở và tiền công thuê chuyên gia;

c) Chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện.

2. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng được xác định bằng dự toán theo các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này hoặc xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) chi phí tư vấn giám sát công trình theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư tổ chức lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập dự trù chi phí kiểm tra theo quy định hiện hành bao gồm chi phí quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này. Dự trù chi phí kiểm tra là cơ sở để chủ đầu tư thanh toán các chi phí thực tế của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình kiểm tra. Chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán các chi phí này.

Mục 3

PHÂN CẤP XỬ LÝ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 13. Quy định chung trong giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Cấp sự cố công trình xây dựng được xác định theo Điều 46 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với công trình, hạng mục công trình đang triển khai thi công xây dựng và chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình đối với công trình đang khai thác, sử dụng:

a) Báo cáo nhanh thông tin sự cố công trình đối với công trình do mình quản lý theo quy định tại Khoản 1, 5 Điều 47 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1, 3, 4 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trong quá trình giải quyết sự cố công trình xây dựng;

c) Lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. UBND tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh và sự cố cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh lộ và quốc lộ trên địa bàn với các nội dung theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức giải quyết sự cố công

trình xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này.

2. UBND cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp III trên địa bàn huyện trừ sự cố cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh lộ và quốc lộ đi qua địa bàn do mình quản lý với các nội dung theo quy định tại Điểm a, b, c, d, Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện giúp UBND cấp huyện tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

Điều 15. Thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III tại các công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm phối hợp trong tổ chức giám định nguyên nhân sự cố:

a) Đối với các sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh, khi cần thiết cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đề xuất UBND tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố do mình chủ trì, giải quyết;

b) Cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng có trách nhiệm thành lập tổ điều tra sự cố công trình xây dựng để điều tra nguyên nhân sự cố công trình xây dựng. Tổ điều tra sự cố gồm: đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 14 Quy định này, các cơ quan có liên quan và các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố công trình xây dựng. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng chỉ định tổ chức kiểm định thực hiện giám định chất lượng công trình xây dựng phục vụ đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và đưa ra giải pháp khắc phục.

Mục 4

PHÂN CẤP BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH

Điều 16. Phân cấp quản lý bảo trì công trình xây dựng.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Tổ chức lập, điều chỉnh, phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng trong quá trình lập hồ sơ thiết kế, thi công xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Bàn giao quy trình bảo trì công trình xây dựng đã được phê duyệt, các tài liệu phục vụ công tác bảo trì có liên quan cho chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng khi nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình:

a) Xem xét, tiếp nhận quy trình bảo trì công trình xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình bàn giao khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng đối với những công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì do mình quản lý, khai thác sử dụng;

b) Trên cơ sở quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt và hiện trạng công trình, tổ chức lập kế hoạch và thực hiện bảo trì công trình xây dựng hằng năm theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng bao gồm: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị; kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Tổ chức quản lý chất lượng công tác bảo trì và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Tổ chức đánh giá theo định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đối với các công trình quy định tại Khoản 1, Điều 43, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, gửi kết quả đánh giá đến Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp đối với công trình có quy mô từ cấp II trở xuống (theo mẫu Phụ lục III kèm theo Quy định này);

e) Khi phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện ngay các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 44, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Đồng thời báo cáo ngay với chính quyền địa phương nơi gần nhất để được kiểm tra, hướng dẫn tổ chức xử lý theo phân cấp như sau:

- Báo cáo UBND tỉnh, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với công trình, hạng mục công trình xây dựng chuyên ngành có quy mô cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo UBND cấp huyện, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện đối với công trình, hạng mục công trình xây dựng cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện.

g) Đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp, chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 45, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Báo cáo UBND tỉnh (đối với công trình cấp I, cấp II) và UBND cấp huyện (đối với công trình cấp III trở xuống) để được xem xét, xử lý.

3. Chi phí bảo trì công trình xây dựng (áp dụng cho các công trình xây dựng sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước)

a) Trường hợp công trình phải thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung: Tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần thay thế, lý do sửa chữa hoặc thay thế, khối lượng công việc, dự kiến chi phí, đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều

này xem xét, quyết định phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện trước ngày 30 tháng 10 hàng năm;

b) Trường hợp công trình phải thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

c) Công tác quản lý, thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác, khuyến khích thực hiện việc quản lý chi phí bảo trì công trình theo quy định tại Điểm a, b Khoản này.

4. Bố trí kinh phí bảo trì công trình xây dựng từ nguồn ngân sách Nhà nước

a) Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, khai thác sử dụng của UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành tỉnh: Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành rà soát, tổng hợp số lượng công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước được các chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình đề xuất theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, tiến hành kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, cân đối nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ, bố trí vốn cho các công trình. Kế hoạch vốn để thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này (không bao gồm phần thiết bị công nghệ của công trình);

b) Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, khai thác sử dụng của UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các Ban, ngành cấp huyện: Hàng năm, Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì phối hợp Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện rà soát, tổng hợp số lượng công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước được các chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình đề xuất theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này tiến hành kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, cân đối nguồn vốn ngân sách cấp huyện, tham mưu UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phân bổ, bố trí vốn cho các công trình. Kế hoạch vốn để thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này (không bao gồm phần thiết bị công nghệ của công trình).

Điều 17. Phân cấp trách nhiệm trong quản lý công tác đánh giá an toàn công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình đối với công trình từ cấp II trở xuống thuộc loại công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này;

b) Tổ chức xử lý các công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng đối với công trình từ cấp II, cấp III thuộc loại công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này;

c) Xem xét, đề xuất UBND tỉnh trong việc chấp thuận kéo dài thời hạn sử dụng các công trình hết tuổi thọ có nhu cầu tiếp tục sử dụng đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Phụ lục II

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc loại công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

a) Tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình đối với công trình từ cấp II trở xuống thuộc loại công trình chuyên ngành quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này;

b) Tổ chức xử lý các công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng đối với công trình từ cấp II, cấp III thuộc loại công trình chuyên ngành quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này;

c) Xem xét, đề xuất UBND tỉnh trong việc chấp thuận kéo dài thời hạn sử dụng các công trình hết tuổi thọ có nhu cầu tiếp tục sử dụng đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc loại công trình chuyên ngành quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện:

a) Tổ chức xử lý các công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng đối với công trình cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện;

b) Xem xét, đề xuất UBND cấp huyện trong việc chấp thuận kéo dài thời hạn sử dụng các công trình hết tuổi thọ có nhu cầu tiếp tục sử dụng đối với công trình cấp III có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn huyện.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền thẩm định đánh giá hiện trạng công trình xác định nhu cầu duy tu, bảo trì của các công trình xây dựng (áp dụng cho các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước)

1. Tổ thẩm định cấp tỉnh:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các Sở quản lý chuyên ngành thành lập Tổ thẩm định cấp tỉnh đánh giá hiện trạng công trình, cân đối nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ, bố trí vốn cho các công trình có nhu cầu duy tu, bảo trì;

b) Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia Tổ thẩm định cấp tỉnh để đánh giá hiện trạng công trình, xác định nhu cầu duy tu, bảo trì, đề xuất nguồn ngân sách nhà nước phân bổ vốn cho các công trình có nhu cầu duy tu, bảo trì;

c) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia Tổ thẩm định cấp tỉnh để đánh giá hiện trạng công trình, xác định nhu cầu duy tu, bảo trì.

2. Tổ thẩm định cấp huyện:

Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định cấp huyện đánh giá hiện trạng công trình, cân đối nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện, tham mưu cho UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phân bổ, bố trí vốn cho các công trình có nhu cầu duy tu, bảo trì trên địa bàn huyện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cá nhân, tổ chức có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *120*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



hanh
Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 76 /2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh – Áp dụng cho Sở Xây dựng Báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-SXD

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**về tình hình chất lượng và công tác quản lý
chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh/thành phố**
Năm

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng

I. Tổng số công trình xây dựng/ dự án đầu tư xây dựng (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) đang được thi công xây dựng trên địa bàn

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn trừ nhà ở riêng lẻ) trong kỳ báo cáo:

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng

Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

1. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

- Số lượng các công trình được kiểm tra theo quy định tại Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP;
- Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng
- Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu

2. Các giải thưởng về chất lượng công trình:

- Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng;
- Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao;
- Số lượng các nhà thầu được tôn vinh thông qua các giải thưởng.

3. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương.

4. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khai thác, sử dụng.

IV. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ:

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh... (để b/c);
- Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Lưu: Sở Xây dựng tỉnh.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 76 /2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh – Áp dụng cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện Báo cáo Sở Xây dựng, UBND tỉnh)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-SXD

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Việc tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng
và tình hình chất lượng công trình xây dựng**

Năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. Tổng số công trình xây dựng/ dự án đầu tư xây dựng (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) do mình quản lý

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn trừ nhà ở riêng lẻ) trong kỳ báo cáo:

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương:

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương:

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Dân dụng								
Công nghiệp								

Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng theo phân cấp)

a) Số lượng hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng được thẩm định, phê duyệt theo phân cấp tại Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /2016/QĐ-UBND.

STT	Cấp công trình	Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	Công trình sử dụng vốn khác
1	Cấp II			
2	Cấp III			
3	Cấp IV			
Tổng số:				

b) Chất lượng thiết kế (chất lượng tính toán kết cấu, sự tuân thủ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, điều kiện năng lực các tổ chức cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế...).

c) Kiểm soát chi phí đầu tư: số tiền..., tỷ lệ % trước và sau khi thẩm định, phê duyệt (áp dụng đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách).

d) Các đánh giá khác.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra theo quy định tại Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng

c) Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu

2. Các giải thưởng về chất lượng công trình:

a) Số lượng công trình đạt giải thưởng quốc gia về chất lượng;

b) Số lượng công trình đạt giải thưởng chất lượng cao;

c) Số lượng các nhà thầu được tôn vinh thông qua các giải thưởng.

3. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khai thác, sử dụng.

IV. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng (để b/c);
- Lưu:.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 76 /2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

Chủ sở hữu hoặc chủ quản
lý sử dụng công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác sử dụng

Kính gửi :(1).....

1. Tên công trình, vị trí xây dựng:

2. Các tổ chức cá nhân tham gia xây dựng:

- a) Nhà thầu khảo sát xây dựng: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
- b) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
- c) Nhà thầu thi công xây dựng: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
- d) Nhà thầu giám sát thi công xây dựng: (ghi tên tổ chức, cá nhân)

3. Quy mô, công suất:

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng:

5. Kết quả đánh giá:

6. Kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

NGƯỜI BÁO CÁO *

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp quản lý tại Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 01/2016 của UBND tỉnh.